

Câu 11: Phân tích tính độc lập tương đối của ý thức xã hội so với tồn tại xã hội?

Khái niệm:

- **Tồn tại xã hội:**
 - Là toàn bộ sinh hoạt vật chất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.
 - Các yếu tố cơ bản: phương thức sản xuất vật chất, điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý, dân số và mật độ dân số. Trong đó phương thức sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất.
- **Ý thức xã hội:**
 - Là mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm phong tục, tập quán, truyền thống, quan điểm, tư tưởng nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn nhất định.
 - **Kết cấu của ý thức xã hội:**
 - Căn cứ vào lĩnh vực phản ánh: chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học.
 - Căn cứ vào trình độ phản ánh: ý thức xã hội thông thường, ý thức lý luận.
 - Căn cứ vào phương thức phản ánh: tâm lý xã hội, hệ tư tưởng xã hội.

Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội:

- Ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội, phát triển phụ thuộc vào tồn tại xã hội.
- Tồn tại xã hội là cái được phản ánh, ý thức xã hội là cái phản ánh, phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn nhất định.
- Ý thức xã hội biến đổi theo tồn tại xã hội.

Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội:

- Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội:
 - Lịch sử cho thấy: xã hội cũ mất đi từ lâu, ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh vẫn tiếp tục tồn tại.
 - Ví dụ: “trọng nam khinh nữ” xuất hiện từ xã hội phong kiến Việt Nam nhưng vẫn tồn tại tới ngày nay tại một số địa phương.
- Nguyên nhân:
 - Do tác động mạnh mẽ về nhiều mặt trong hoạt động thực tiễn của con người nên tồn tại xã hội diễn ra nhanh hơn so với khả năng phản ánh của ý thức xã hội.
 - Do sức mạnh của thói quen, tập quán, truyền thống và tính bảo thủ của hình thái ý thức xã hội khiến điều kiện tồn tại xã hội mới chưa đủ làm cho những thói quen, tập quán, truyền thống cũ mất đi hoàn toàn.
 - Ý thức xã hội gắn liền với lợi ích của tập đoàn người, của giai cấp nào đó trong xã hội. Các tập đoàn hay giai cấp xã hội lạc hậu thường níu kéo, bám chặt vào những tư tưởng lạc hậu để bảo vệ, duy trì quyền lợi ích kỷ của họ, chống lại các lực lượng tiến bộ trong xã hội.
- Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội:
 - Do nó đã phản ánh được những mối quan hệ logic, khách quan, tất yếu, bản chất của tồn tại xã hội.
 - Ví dụ: dự báo của Mác về việc tri thức trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp đang được thực tiễn xác nhận: thời đại công nghệ số, cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, thời đại trí tuệ nhân tạo.
- Ý thức xã hội có tính kế thừa:
 - Các quan điểm lý luận, các tư tưởng của thời đại sau bao giờ cũng dựa vào nền tảng đã có của thời đại trước.
 - Ví dụ: chủ nghĩa Mác tiếp thu tinh hoa tri thức từ lịch sử văn minh nhân loại, triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị học Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp.
 - Ý thức xã hội có tính kế thừa nên không thể giải thích một tư tưởng nào đó chỉ dựa vào hiện trạng tồn tại xã hội của nó.

- Ví dụ: hiện trạng phát triển kinh tế của nước Pháp kém xa Anh vào thế kỷ 18 nhưng tư tưởng lý luận thì Pháp vượt xa Anh rất nhiều.
- Trong xã hội có giai cấp: giai cấp khác nhau sẽ kế thừa di sản khác nhau của giai đoạn trước.
 - Giai cấp tiến bộ: kế thừa tư tưởng tiến bộ thời đại trước.
 - Giai cấp lỗi thời: kế thừa thứ bảo thủ, lạc hậu để cố gắng duy trì sự thống trị của mình.
- Sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hiện tượng ý thức xã hội:
 - Ở các thời đại lịch sử khác nhau, trong những hoàn cảnh khác nhau, dù vai trò của các hình thái ý thức xã hội không giống nhau nhưng chúng vẫn có sự tác động qua lại với nhau.
 - Ví dụ:
 - Hy Lạp cổ đại (vào TK V trước công nguyên), ý thức triết học và ý thức nghệ thuật đóng vai trò chủ đạo.
 - Thời trung cổ ở Tây Âu, tôn giáo đóng vai trò chủ đạo.
 - Tại thế giới đương đại, ý thức chính trị đóng vai trò chỉ đạo, chi phối các hình thái ý thức khác.
- Sự tác động trở lại của ý thức xã hội lên tồn tại xã hội:
 - Sự tác động mạnh hay yếu phụ thuộc vào: những điều kiện lịch sử cụ thể, các quan hệ kinh tế, trình độ phản ánh và sức lan toả đối với nhu cầu khác nhau của sự phát triển xã hội, đặc biệt là vào vai trò lịch sử của giai cấp đại diện cho ngọn cờ tư tưởng đó.
 - Vì vậy cần phân biệt ý thức xã hội tiến bộ với ý thức xã hội lạc hậu, cản trở sự tiến bộ của xã hội.
 - Nếu ý thức xã hội phản ánh kịp thời và đáp ứng đúng nhu cầu của tồn tại xã hội thì sẽ thúc đẩy xã hội phát triển và ngược lại.

Câu 12: Tạo sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội? Cho ví dụ?

Khái niệm:

- **Tồn tại xã hội:**
 - Là toàn bộ sinh hoạt vật chất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.
 - Các yếu tố cơ bản: phương thức sản xuất vật chất, điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý, dân số và mật độ dân số. Trong đó phương thức sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất.
- **Ý thức xã hội:**
 - Là mặt tinh thần của đời sống xã hội bao gồm phong tục, tập quán, truyền thống, quan điểm, tư tưởng nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn nhất định.
 - **Kết cấu của ý thức xã hội:**
 - Căn cứ vào lĩnh vực phản ánh: chính trị, pháp quyền, đạo đức, triết học, tôn giáo, nghệ thuật, khoa học.
 - Căn cứ vào trình độ phản ánh: ý thức xã hội thông thường, ý thức lý luận.
 - Căn cứ vào phương thức phản ánh: tâm lý xã hội, hệ tư tưởng xã hội.

Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội:

- Ý thức xã hội nảy sinh từ tồn tại xã hội, phát triển phụ thuộc vào tồn tại xã hội.
- Tồn tại xã hội là cái được phản ánh, ý thức xã hội là cái phản ánh, phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn nhất định.
- Ý thức xã hội biến đổi theo tồn tại xã hội.

Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội:

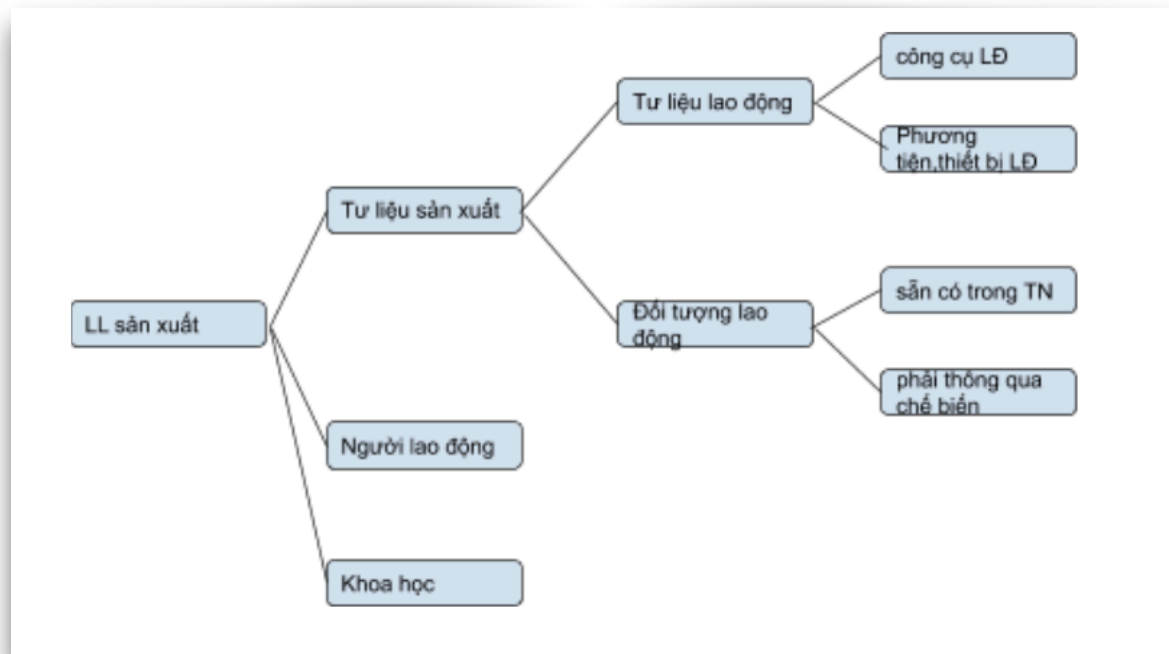
- Lịch sử cho thấy: xã hội cũ mất đi từ lâu, ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh vẫn tiếp tục tồn tại.
- Ví dụ: “trọng nam khinh nữ” xuất hiện từ xã hội phong kiến Việt Nam nhưng vẫn tồn tại tới ngày nay tại một số địa phương.
- Nguyên nhân:

- Do tác động mạnh mẽ về nhiều mặt trong hoạt động thực tiễn của con người nên tồn tại xã hội diễn ra nhanh hơn so với khả năng phản ánh của ý thức xã hội.
- Do sức mạnh của thói quen, tập quán, truyền thống và tính bảo thủ của hình thái ý thức xã hội khiến điều kiện tồn tại xã hội mới chưa đủ làm cho những thói quen, tập quán, truyền thống cũ mất đi hoàn toàn.
- Ý thức xã hội gắn liền với lợi ích của tập đoàn người, của giai cấp nào đó trong xã hội. Các tập đoàn hay giai cấp xã hội lạc hậu thường níu kéo, bám chặt vào những tư tưởng lạc hậu để bảo vệ, duy trì quyền lợi ích kỷ của họ, chống lại các lực lượng tiến bộ trong xã hội.

Câu 13: Phân tích nội dung quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất?

Khái niệm:

- **Lực lượng sản xuất:**
 - Là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất.
 - Là tổng hợp các yếu tố vật chất, tinh thần tạo nên sức mạnh thực tiễn để cải biến tự nhiên theo nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.
 - Kết cấu của lực lượng sản xuất:



- Trong kết cấu của lực lượng sản xuất:
 - Công cụ lao động là yếu tố độc nhất, cách mạng nhất.
 - Người lao động là yếu tố quyết định nhất.
 - Khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội.
- Quan hệ sản xuất:

- Là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.
- Kết cấu của quan hệ sản xuất:
 - Quan hệ sản xuất trong sở hữu tư liệu sản xuất.
 - Vai trò trong tổ chức, quản lý sản phẩm.
 - Vai trò phân phối sản phẩm lao động xã hội.
- 3 mặt cấu thành quan hệ sản xuất có quan hệ biện chứng và tác động lẫn nhau, trong đó sở hữu tư liệu sản xuất đóng vai trò quyết định nhất.

Nội dung quy luật:

- Phân tích:
 - Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt của quá trình sản xuất có mối quan hệ biện chứng.
 - Nếu quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.
 - Ngược lại, nếu không phù hợp sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.
- Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất:
 - Lực lượng sản xuất quyết định sự ra đời, nội dung, tính chất của quan hệ sản xuất.
 - Lực lượng sản xuất là nội dung còn quan hệ sản xuất là hình thức của quá trình sản xuất.
 - Lực lượng sản xuất luôn luôn vận động, biến đổi còn quan hệ sản xuất có tính đứng im tương đối. Quan hệ sản xuất từ chỗ phù hợp trở thành xiềng xích kìm hãm lực lượng sản xuất phát triển, đòi hỏi tất yếu thiết lập quan hệ sản xuất mới phù hợp hơn: “Cối xay vận hành bằng tay đưa ta lại xã hội có lãnh chúa, cối xay vận hành bằng máy hơi nước đưa ta lại xã hội có tư bản công nghiệp” - Mác.
- Sự tác động trở lại của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất:
 - Quan hệ sản xuất là hình thức xã hội của lực lượng sản xuất, có tính độc lập tương đối, tác động mạnh mẽ trở lại lực lượng sản xuất.
 - Trong trạng thái phù hợp, quan hệ sản xuất tạo địa bàn phù hợp cho lực lượng sản xuất phát triển, ngược lại sẽ đi sau hay vượt trước lực lượng sản xuất.
 - Sự phù hợp bao gồm: tối ưu sử dụng tư liệu sản xuất kèm người lao động, tạo điều kiện hợp lý cho sự sáng tạo của người lao động và hưởng thụ thành quả vật chất, tinh thần của chính họ.
 - Sự phù hợp quy định tính mục đích, xu hướng phát triển của nền sản xuất xã hội.
 - Sự phù hợp hình thành hệ thống động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, đem lại năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền sản xuất.
- Kết luận:
 - Trạng thái vận động của mâu thuẫn biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất diễn ra từ phù hợp tới không phù hợp rồi đến phù hợp mới ở trình độ cao hơn.
 - Con người bằng vào năng lực nhận thức và thực tiễn, phát hiện, giải quyết mâu thuẫn, thiết lập sự phù hợp mới làm cho quá trình sản xuất phát triển tới một nấc thang cao hơn.

Vận dụng quy luật:

- Trước đổi mới:
 - Vận dụng ngược quy luật, phát triển quan hệ sản xuất trước, xây dựng lực lượng sản xuất sau cho phù hợp với quan hệ sản xuất.
- Trong đổi mới:
 - Rút ra hạn chế, tuân theo đúng quy luật.
 - Lực lượng sản xuất:
 - Công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Hoàn thiện, phát triển nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa.
- Quan hệ sản xuất:
 - Đa dạng hoá hình thức sở hữu.
 - Đổi mới, nâng cao trình độ tổ chức, quản lý.
 - Đa dạng hoá hình thức phân phối.
- Thành tựu:
 - Phát triển kinh tế.
 - Ổn định chính trị.

Câu 14: Trong kết cấu của lực lượng sản xuất, yếu tố nào giữ vai trò quyết định nhất? Tại sao?

Khái niệm:

- Lực lượng sản xuất:
 - Là mối quan hệ giữa người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
 - Bao gồm tất cả những lực lượng vật chất, tinh thần được con người vận dụng tạo thành sức mạnh thực tiễn để cải biến tự nhiên theo nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

Kết cấu của lực lượng sản xuất:

- Tư liệu sản xuất:
 - Tư liệu lao động:
 - Công cụ lao động.
 - Thiết bị lao động.
 - Đối tượng lao động:
 - Có sẵn trong tự nhiên.
 - Phải trải qua chế biến.
- Người lao động.
- Khoa học kỹ thuật.

Người lao động là nhân tố giữ vai trò quyết định nhất:

- Người lao động là chủ thể sáng tạo và sử dụng công cụ lao động. Suy đến cùng, tư liệu sản xuất chỉ là sản phẩm lao động của con người.
- Giá trị, hiệu quả thực tế của tư liệu sản xuất phụ thuộc vào trình độ sử dụng của người lao động.
- Con người tạo ra giá trị mới lớn hơn giá trị bỏ ra ban đầu.
- Người lao động là nguồn gốc của mọi sáng tạo trong sản xuất vật chất, nguồn gốc của sự phát triển của sản xuất.

Câu 15: Trong kết cấu của lực lượng sản xuất, yếu tố nào độc nhất, cách mạng nhất?

Khái niệm:

- Lực lượng sản xuất:
 - Là mối quan hệ giữa người với tự nhiên trong quá trình sản xuất.
 - Là tổng hợp những lực lượng vật chất, tinh thần được vận dụng trong quá trình thực tiễn của con người để cải biến tự nhiên theo nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.

Kết cấu của lực lượng sản xuất:

- Tư liệu sản xuất:

- *Tư liệu lao động:*
 - *Công cụ lao động.*
 - *Thiết bị lao động.*
- *Đối tượng lao động:*
 - *Có sẵn trong tự nhiên.*
 - *Phải trải qua chế biến.*
- *Người lao động.*
- *Khoa học kỹ thuật.*

Công cụ lao động là yếu tố động nhất, cách mạng nhất:

- *Công cụ lao động là nguyên nhân sâu xa của mọi biến đổi kinh tế xã hội trong lịch sử; là thước đo trình độ tác động, cải biến tự nhiên và tiêu chuẩn để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau.*
- *Trình độ phát triển của công cụ lao động là nhân tố quyết định năng suất, chất lượng của sản phẩm lao động.*
- *Công cụ lao động là “khí quan” của bộ óc, là tri thức được vật thể hoá do con người sáng tạo và được con người sử dụng làm phương tiện trong quá trình sản xuất vật chất.*
- *Trước những đòi hỏi thực tiễn trong cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay, con người phải liên tục sáng tạo, cải tiến công cụ lao động trở nên hiện đại, thông minh hơn với hàm lượng tri thức cao hơn.*

Câu 16: Tại sao khoa học kỹ thuật là lực lượng sản xuất trực tiếp của xã hội hiện nay? Cho ví dụ?

Khái niệm:

- *Lực lượng sản xuất:*
 - *Là mối quan hệ giữa người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất.*
 - *Là tổng hợp những lực lượng vật chất, tinh thần được vận dụng trong quá trình thực tiễn để cải tạo tự nhiên theo nhu cầu tồn tại và phát triển của con người.*

Kết cấu của lực lượng sản xuất:

- *Tư liệu sản xuất:*
 - *Tư liệu lao động:*
 - *Công cụ lao động.*
 - *Thiết bị lao động.*
 - *Đối tượng lao động:*
 - *Có sẵn trong tự nhiên.*
 - *Cần trải qua chế biến.*
- *Người lao động.*
- *Khoa học kỹ thuật.*

Khoa học kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp:

- *Khoa học sản xuất ra những của cải đặc biệt, hàng hoá đặc biệt, đó là những phát minh, sáng chế trở thành nguyên nhân cho mọi sự biến đổi của lực lượng sản xuất.*
- *Hiện nay, khoảng cách từ phát minh, sáng chế đến ứng dụng vào thực tiễn đã được rút ngắn làm năng suất lao động xã hội tăng nhanh.*

- Khoa học kịp thời giải quyết những mâu thuẫn, những yêu cầu do sản xuất đặt ra; có khả năng phát triển “vượt trước” và thâm nhập vào tất cả các yếu tố của sản xuất.
- Tri thức khoa học được kết tinh, “vật hoá” vào người lao động, người quản lý, công cụ lao động và đối tượng lao động.
- Sự phát triển khoa học đã kích thích phát triển năng lực làm chủ sản xuất của con người.